UBND TỈNH HÀ GIANG **Biểu số 61/CK-NSNN**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 6 THÁNG NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG NĂM 2017	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSĐP	**9.422.293**	**4.634.377**	**0,49**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**8.202.572**	**4.145.831**		
I	**Chi đầu tư phát triển**	**712.770**	**604.148**		
1	Chi đầu tư cho các dự án	631.770	581.550	92	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0			
3	Chi đầu tư phát triển khác	81.000	20.469		
III	**Chi thường xuyên**	7.319.562	3.483.916	48	103
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.555.892	1.659.558	47	121
2	Chi khoa học và công nghệ	31.190	11.490	37	154
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	817.402	405.996	50	99
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin - Thể dục TT	88.701	44.066	50	147
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	50.050	24.461	49	96
6	Chi an ninh - quốc phòng	171.069	94.343	55	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	106.362	52.217	49	260
8	Chi sự nghiệp kinh tế	778.368	352.392	45	166
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.496.734	719.692	48	89
10	Chi bảo đảm xã hội	181.368	95.512	53	57
11	Chi khác ngân sách	42.426	24.189		
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**		**225**		35
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	**1.200**	**1.200**	100	100
V	**Dự phòng ngân sách**	**169.040**	**56.342**	33	
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**	**1.219.721**	**488.546**		
1	**Chương trình mục tiêu quốc gia**	**649.906**	**185.402**	29	
2	**Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư**	**450.262**	**250.960**	56	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN 06 THÁNG NĂM 2017	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
3	**Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên**	**119.553**	**52.184**	44	